

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN
Số: 3972/PwC-HCMC/HĐ/2017

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005,
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005,
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 và Nghị định số 17/2012/ND-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH PwC (Việt Nam);

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại TPHCM, chúng tôi gồm:

BÊN A: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam

Địa chỉ : Khối 1, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại : 84-2-383 587 20 Fax: 84-8-283 587 226
Mã số thuế : 2900783332
Số tài khoản : 118000030175 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần
Công Thương Việt Nam CN 4
Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hải Thanh Chức vụ: Giám đốc
(Sau đây gọi tắt là Bên A)

BÊN B: Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ : Tầng 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028.38230796
Mã số thuế : 0100157406
Số tài khoản : VND: 3009523, tại Ngân hàng ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
USD: 3009512, tại Ngân hàng ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
39 Lê Duẩn, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người được ủy quyền bởi Đại diện theo pháp luật: Ông Quách Thành Châu Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Mỗi bên được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

Các Bên cùng nhau thỏa thuận và ký kết hợp đồng dịch vụ này (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”), với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán độc lập (sau đây được gọi tắt là “Dịch vụ”) sau khi Bên B được bổ nhiệm làm kiểm toán viên theo luật định của Bên A để kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo tài chính riêng (sau đây được gọi là “các báo cáo tài chính”) của Bên A cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và soát xét các báo cáo tài chính của Bên A cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Bên B sẽ đưa ra kết luận soát xét đối với các báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Bên A.

Chi tiết nội dung, phạm vi, và tiến độ thực hiện Dịch vụ được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

Điều 2: Quyền và Trách nhiệm của Các Bên

2.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

Người đại diện theo pháp luật, Ban Giám đốc của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm về việc:

- 2.1.1 Soạn lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.
- 2.1.2 Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để các Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.
- 2.1.3 Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - tất cả các tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, và các tài liệu liên quan khác (bao gồm nhưng không giới hạn biên bản cuộc họp Ban Giám đốc;
 - các tài liệu, thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ mục đích của cuộc kiểm toán;
 - quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán;
 - nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- 2.1.4 Đảm bảo các thông tin cung cấp cho Bên B là chính xác, trung thực, đầy đủ và thông báo ngay cho Bên B biết nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với những thông tin Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- 2.1.5 Đảm bảo Bên B có quyền sử dụng hợp pháp đối với các thông tin hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba mà Bên A cung cấp cho Bên B để thực hiện Dịch vụ, nếu có.
- 2.1.6 Tuân thủ kế hoạch kiểm toán do Bên B đề xuất mà Bên A đã đồng ý.
- 2.1.7 Thực hiện những biện pháp đảm bảo hợp lý để bảo vệ tài sản của Bên A tránh những mất mát, thiệt hại và để ngăn chặn và phát hiện gian lận, nhằm lẩn và việc không tuân thủ các quy định pháp luật.
- 2.1.8 Bên B có thể sử dụng các công ty khác trong mạng lưới PwC để trợ giúp Bên B thực hiện dịch vụ kiểm toán này. Tuy nhiên, chỉ có bên B chịu trách nhiệm đối với dịch vụ kiểm toán này.
- 2.1.9 Bên A sẽ đồng ý không có bất cứ khiếu nại nào (kể cả do sơ suất) đối với các công ty khác trong mạng lưới PwC (hoặc các chủ phần hùn, thành viên, giám đốc hoặc nhân viên của các công ty này) liên quan đến dịch vụ kiểm toán này. Bất kỳ chủ phần hùn hoặc nhân viên nào của các công ty khác trong mạng lưới PwC liên lạc với Bên A liên quan đến các dịch vụ cung cấp theo thư này chỉ đang thay mặt Bên B thực hiện công việc.
- 2.1.10 Điều khoản 2.1.9 đảm bảo quyền lợi của các công ty khác trong mạng lưới PwC và các chủ phần hùn, thành viên, giám đốc và nhân viên (gọi chung là "bên thụ hưởng"). Bên A đồng ý rằng mỗi bên thụ hưởng có thể tham chiếu vào điều khoản 2.1.9 như thể họ là một bên đối với hợp đồng này. Mỗi bên thụ hưởng hỗ trợ việc thực hiện dịch vụ theo thư hẹn này dựa trên các quy định bảo vệ trong điều khoản 2.1.9 và Bên B thay mặt họ chấp nhận quyền lợi của điều khoản 2.1.9.
- 2.1.11 Mời Bên B tham dự tất cả cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm của Bên A trong trường hợp các cuộc họp đó có thảo luận về Báo cáo Tài chính được kiểm toán, các vấn đề trực tiếp tác động đến Báo cáo Tài chính được kiểm toán, hoặc các vấn đề liên quan đến phạm vi công việc của Bên B;
- 2.1.12 Người đại diện theo pháp luật, Ban Giám đốc có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc", về việc xác nhận trách nhiệm của Ban Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh cho kỳ hiện tại và cho các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- 2.1.12 Giám sát Bên B trong việc thực hiện Dịch vụ, có thông tin phản hồi kịp thời với Bên B nhằm giúp Bên B thực hiện công việc một cách thông suốt.
- 2.1.13 Thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 dưới đây.

2.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

- 2.2.1 Thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Bên B phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục thực hiện tùy thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.
- 2.2.2 Bố trí các nhân viên có trình độ và kỹ năng phù hợp để thực hiện Dịch vụ.
- 2.2.3 Được quyền tiếp cận các nhân viên và Ban Giám đốc của Bên A để thu thập các bằng chứng kiểm toán và hồ sơ cần thiết.
- 2.2.4 Thực hiện Dịch vụ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Tuy nhiên việc thực hiện Dịch vụ cũng sẽ phụ thuộc vào mức độ và chất lượng của các thông tin mà Bên A cung cấp cho Bên B và vào việc Bên A thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.
- 2.2.5 Được sử dụng các công ty khác trong mạng lưới của Bên B để trợ giúp Bên B thực hiện Dịch vụ. Tuy nhiên, các công ty này (bao gồm bất kỳ thành viên, giám đốc và nhân viên của các công ty này) chỉ thay mặt Bên B thực hiện công việc nêu trong Dịch vụ mà không chịu trách nhiệm với Bên A. Bên B sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp với Bên A theo Hợp đồng này;
- 2.2.6 Được phát triển hoặc sử dụng các công cụ điện tử (bao gồm nhưng không giới hạn các bảng tính, cơ sở dữ liệu, phần mềm) trong quá trình thực hiện Dịch vụ. Bên B không có nghĩa vụ phải chia sẻ các công cụ này với Bên A, trừ trường hợp công cụ được quy định cụ thể tại Hợp đồng này là kết quả Dịch vụ. Nếu các công cụ điện tử này không được quy định là kết quả Dịch vụ và Bên B chia sẻ các công cụ này với Bên A, thì Bên A đồng ý rằng:
- Các công cụ này vẫn là tài sản của Bên B;
 - Bên B phát triển các công cụ này chỉ phục vụ cho mục đích sử dụng của Bên B;
 - Bên A sử dụng các công cụ điện tử này phải tự chịu rủi ro liên quan; và
 - Bên A không được cung cấp các công cụ điện tử này cho bên thứ ba.
- 2.2.7 Phát hành ý kiến kiểm toán cho Hội đồng Quản trị về việc liệu các Báo cáo tài chính của Bên A, xét trên các khía cạnh trọng yếu, có thể hiện trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Bên A tại ngày lập bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có) và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Bên A trong giai đoạn/niên độ kết thúc tại ngày đó, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày và soạn lập Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

2.2.8 Các thủ tục kiểm toán của Bên B được thiết lập nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý để phát hiện sai sót và sai phạm, bao gồm gian lận và các hành vi phạm pháp khác, có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính. Có một rủi ro không thể tránh khỏi là các cuộc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam có thể không phát hiện được sai sót hoặc sai phạm trọng yếu, đặc biệt khi có hành vi che giấu thông qua sự thông đồng, giả mạo chứng từ và các hành vi phạm pháp khác. Có những hạn chế tiềm tàng trong việc thực hiện một cuộc kiểm toán – ví dụ, việc kiểm toán được dựa trên việc kiểm tra thông tin chọn mẫu do đó có thể không phát hiện được các sai sót và các sai phạm. Vì vậy, cuộc kiểm toán của Bên B chỉ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý – mà không phải là một sự đảm bảo tuyệt đối – rằng các báo cáo tài chính không có sai phạm trọng yếu.

Điều 3: Giá trị Hợp đồng và thanh toán

3.1 Giá trị Hợp đồng

- Mức phí Dịch vụ của Bên B được ước tính dựa trên cơ sở mức độ trách nhiệm, trình độ chuyên môn của chuyên gia tham gia thực hiện và thời gian cần thiết để tiến hành công việc như kế hoạch đề ra.
- Mức phí Dịch vụ là **122.000.000 đồng** (bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng tính trên mức phí Dịch vụ và các phụ phí phát sinh nói trên).
- Mức phí Dịch vụ ước tính trên đây dựa trên cơ sở Bên A sẽ lập các Báo cáo tài chính bằng tiếng Việt, các chứng từ kế toán, sổ sách và hồ sơ của Bên A được lưu giữ tốt và nhân sự của Bên A sẽ hỗ trợ đầy đủ cho Bên B trong suốt quá trình Bên B thực hiện Dịch vụ. Điều này cũng phụ thuộc vào việc Bên A hoàn thành và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin quy định tại “Tài liệu hỗ trợ khách hàng” (CAS). CAS liệt kê các thông tin mà Bên B phải có để có thể thực hiện Dịch vụ theo thời gian biểu mà Bên B đề xuất. Bên B sẽ cung cấp CAS cho Bên A trước khi bắt đầu thực hiện Dịch vụ.
- Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, nếu Bên B nhận thấy cần thiết phải mở rộng phạm vi Dịch vụ vì lý do không thể dự kiến trước vào thời điểm ký Hợp đồng này, thì Bên B có thể phải xem xét lại mức phí ước tính. Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A ngay khi tình huống này phát sinh và Các Bên sẽ thỏa thuận mức phí tăng thêm (nếu cần thiết).
- Trong trường hợp theo quy định pháp luật, chế độ, lệnh của tòa án hay quy trình pháp luật khác, hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc đề nghị của Bên A yêu cầu Bên B và Bên B đồng ý, hoặc theo ý muốn của Bên B, về việc cung cấp các giấy tờ làm việc hoặc yêu cầu nhân viên của Bên B làm chứng liên quan đến việc thực hiện Dịch vụ, thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ chi phí phát sinh đối với Bên B khi thực hiện yêu cầu này như chi phí nhân viên, chi phí đi lại, chi phí văn phòng phẩm cùng các chi phí pháp lý/tư vấn/chi phí cho luật sư của Bên B mà Bên B phải trả để đáp ứng yêu cầu đó.

3.2 Thanh toán

Phí Dịch vụ sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B theo tiến độ công việc, như sau:

Tiến độ	Lịch thanh toán VNĐ
• 40% khi bắt đầu công việc soát xét giữa niên độ	48.800.000
• 40% khi bắt đầu công việc kiểm toán cuối năm	48.800.000
• 20% khi phát hành Dự thảo ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính	24.400.000
	122.000.000

Bên B sẽ phát hành hóa đơn cho Bên A theo lịch thanh toán trên đây. Bên A sẽ có trách nhiệm thanh toán hóa đơn trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được hóa đơn. Bất kỳ khoản phí nào chưa được thanh toán theo đúng thời hạn như quy định ở bảng trên sẽ được tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định có hiệu lực vào ngày Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B và lãi suất sẽ được tính từ thời điểm quá hạn thanh toán cho đến thời điểm thanh toán thực tế. Bất kể điều khoản nêu trên, Bên B có toàn quyền quyết định tạm ngưng cung cấp Dịch vụ nếu Bên A trì hoãn thanh toán quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Điều 4: Bảo mật

- 4.1 Các Bên nhất trí chỉ sử dụng các thông tin mật của mỗi Bên cho các công việc liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ và mỗi Bên sẽ không tiết lộ các thông tin này trừ khi có quy định pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Nếu cần thiết, Bên B có thể cung cấp các thông tin mật cho các công ty thành viên khác trong mạng lưới Bên B cho mục đích cung cấp Dịch vụ và được sự đồng ý của Bên A. Mỗi Bên có thể tiết lộ thông tin mật của Bên kia cho các công ty bảo hiểm và cố vấn pháp luật của Bên đó với điều kiện là thông tin mật đó vẫn được bảo mật bởi bên nhận thông tin và được sự đồng ý của Bên A.

Thông tin được cho là mật nếu được thể hiện bằng văn bản có đánh dấu mật hoặc được xác nhận bằng văn bản là mật nếu thông tin đó được thể hiện bằng lời nói. Hạn chế bảo mật này sẽ không áp dụng đối với các thông tin:

- có sẵn hoặc được phổ biến mà không phải do vi phạm nghĩa vụ bảo mật theo điều này;
- nhận được từ một bên thứ ba mà bên này không có nghĩa vụ bảo mật thông tin; thuộc sở hữu của bên nhận thông tin mà bên đó không bị hạn chế nào về bảo mật trước ngày nhận thông tin từ bên khác;
- đang hoặc đã được phát triển độc lập bởi bên nhận thông tin.

- 4.2 Bên B có thể đề cập đến Bên A và nội dung của Dịch vụ cung cấp khi giới thiệu các dịch vụ mà Bên B đã cung cấp cho khách hàng của mình, với điều kiện là Bên B không công bố thông tin mật của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.3 Bên A đảm bảo và cam kết với Bên B là việc Bên B xử lý các thông tin cá nhân do Bên A cung cấp cho Bên B để thực hiện Dịch vụ theo Hợp đồng này sẽ không làm cho Bên B vi phạm quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ thông tin cá nhân. Nếu Bên A cung cấp cho Bên B các dữ liệu cá nhân, Bên B đồng ý giữ bí mật theo các quy định về bảo mật dữ liệu.
- 4.4 Bên B có thể thực hiện các dịch vụ cho các đối thủ cạnh tranh của Bên A hoặc các bên khác có thể có mâu thuẫn quyền lợi với Bên A. Bên B cam kết thực hiện nghĩa vụ không tiết lộ thông tin mật của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 5: Sở hữu trí tuệ

- 5.1 Các giấy tờ và hồ sơ kiểm toán liên quan đến việc kiểm toán và cung cấp Dịch vụ do Bên B tạo ra trong quá trình thực hiện và cung cấp Dịch vụ, kể cả các tài liệu và hồ sơ kiểm toán bằng điện tử, là tài sản sở hữu trí tuệ của riêng Bên B.
- 5.2 Trong quá trình làm việc, Bên B có thể cung cấp cho Bên A các phần mềm, bao gồm bảng tính, tài liệu, dữ liệu, hồ sơ điện tử và các công cụ điện tử khác do Bên B soạn lập để trợ giúp cho công việc của Bên B. Vì các công cụ này được thiết lập riêng cho mục đích của Bên B, nên chỉ được cung cấp trên cơ sở "hiện trạng" để Bên A sử dụng mà không được chuyển tải, công bố hoặc chia sẻ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà không được sự cho phép trước bằng văn bản của Bên B. Bên B sẽ không có trách nhiệm giải trình hay đảm bảo tính đầy đủ hay phù hợp của các công cụ này nếu Bên A sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác mục đích được quy định trong Hợp đồng này. Bên B giữ bản quyền đối với toàn bộ công cụ điện tử cung cấp cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 5.3 Bất kỳ công cụ, phần mềm nào được thiết lập riêng biệt cho Bên A và thuộc quyền sở hữu trí tuệ của Bên A sẽ được thể hiện bằng thỏa thuận riêng giữa Các Bên.

Điều 6: Báo cáo và tiến độ thực hiện Dịch vụ

6.1 Báo cáo

Ý kiến kiểm toán của Bên B chỉ nhằm cung cấp cho Bên A. Trừ khi được nêu rõ tại Hợp đồng này hoặc theo quy định của pháp luật, hoặc khi đã được Bên B chấp thuận trước bằng văn bản, Bên A không được:

- sử dụng, cung cấp hoặc tham chiếu đến bất kỳ nội dung nào của ý kiến kiểm toán của Bên B cho bất kỳ bên nào khác; hoặc
- công bố ý kiến kiểm toán của Bên B hoặc ghi tên hoặc sử dụng biểu tượng/nhãn hiệu của Bên B trong bất kỳ tài liệu công bố đại chúng hoặc phát hành rộng rãi nào của Bên A.

Nếu Bên A công bố hoặc thể hiện ý kiến kiểm toán của Bên B đi kèm với các Báo cáo tài chính, hoặc đề cập đến Bên B trong các tài liệu có các thông tin khác, dưới hình thức bản in hay bằng phương tiện điện tử (bao gồm nhưng không giới hạn trên trang web), thì người đại diện theo pháp luật của Bên A phải (a) cung cấp cho Bên B một bản dự thảo của tài liệu dự kiến phát hành hoặc công bố đó để Bên B xem xét, và (b) xin ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bên B để đưa báo cáo của Bên B vào tài liệu trước khi tài liệu này được hoàn chỉnh và công bố. Khi ý kiến kiểm toán của Bên B được tái hiện qua bất kỳ phương tiện truyền thông nào thì bắt buộc phải kèm theo toàn bộ các Báo cáo tài chính, bao gồm cả phần thuyết minh.

Bên A đồng ý rằng báo cáo kiểm toán hoặc các tham chiếu đến Bên B sẽ không được đưa vào các hồ sơ nộp cho cơ quan chức năng liên quan đến việc chào bán chứng khoán nếu không có văn bản đồng ý trước của Bên B.

Bất kỳ thỏa thuận nào để thực hiện công việc liên quan đến việc chào bán chứng khoán kể cả việc đồng ý cho thực hiện công việc liên quan đến việc chào bán chứng khoán đó sẽ được thực hiện theo một thỏa thuận riêng.

6.2 Tiến độ thực hiện Dịch vụ

Trừ khi có thỏa thuận khác, tiến độ thực hiện Dịch vụ nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng chỉ cho mục đích hoạch định và không mang tính ràng buộc đối với Bên B.

Điều 7: Giới hạn trách nhiệm của Bên B

7.1 Bên B sẽ dựa vào thông tin do Bên A cung cấp theo quy định tại Điều 2.1 của Hợp đồng này để thực hiện Dịch vụ.

7.2 Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A vượt quá 3 (ba) lần số phí Dịch vụ mà Bên A đã thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng này, cho dù Bên A yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo Hợp đồng hoặc các khiếu nại khác, ngoại trừ trong trường hợp Bên B cố tình có hành vi sai trái hay không trung thực.

- 7.3 Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Bên A cho dù Bên A yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo Hợp đồng, hoặc các khiếu nại khác về những mất mát lợi nhuận mang tính hệ quả hay gián tiếp, hoặc những khoản lãi dự kiến những thiệt hại mang tính hệ quả gián tiếp tương tự liên quan đến Dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng này.
- 7.4 Bên A đồng ý thanh toán cho Bên B đối với các trách nhiệm pháp lý và chi phí, bao gồm nhưng không giới hạn, chi phí pháp lý, chi phí hành chính và chi phí quản lý nội bộ phát sinh đối với Bên B liên quan đến khiếu nại của bất kỳ bên thứ ba nào khác liên quan đến việc Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng này trong trường hợp khiếu nại phát sinh do lỗi của Bên A
- 7.5 Bên A đồng ý rằng bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến Dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng này sẽ là nghĩa vụ pháp lý trực tiếp của Bên B. Trong mọi trường hợp, thành viên, giám đốc, nhân viên, đại lý hoặc đối tác của Bên B sẽ không chịu trách nhiệm dù trực tiếp hay gián tiếp về bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến Dịch vụ. Bên A sẽ không khiếu kiện bất kỳ thành viên, giám đốc, nhân viên, đại lý hoặc đối tác nào của Bên B liên quan đến bất cứ nghĩa vụ pháp lý liên quan đến Dịch vụ cung cấp theo Hợp đồng này, kể cả trong trường hợp sai sót hoặc bất cẩn.
- 7.6 Trong phạm vi pháp luật cho phép, Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên A về (i) những mất mát hoặc thiệt hại gián tiếp (xảy ra ngẫu nhiên hay do hệ quả), (ii) tổn thất về lợi nhuận, về lợi thế thương mại, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tiết kiệm hoặc lợi ích dự kiến đạt được, (iii) mất mát hoặc hư hỏng dữ liệu và (iv) tất cả bảo đảm hoặc điều kiện ngoài những nội dung đã được nêu cụ thể trong Hợp đồng này.
- 7.7 Bất kỳ nghĩa vụ pháp lý nào mà Bên B phải chịu theo Hợp đồng này sẽ không vượt quá mức tổn thất thực tế mà Bên A phải gánh chịu do Bên B trực tiếp và là bên duy nhất gây ra cho Bên A. Nếu bất kỳ thiệt hại nào do Bên A góp phần vào hoặc do một số bên gây ra, thì nghĩa vụ pháp lý đối với tổn thất đó sẽ được chia ra từng phần thích hợp có xét đến trách nhiệm của các bên gây ra tổn thất, và do vậy mức bồi thường của Bên B cho Bên A sẽ được điều chỉnh tương ứng.
- 7.8 Trong quá trình thực hiện kiểm toán, Bên B có thể liên lạc với Bên A bằng phương tiện điện tử. Tuy nhiên, hình thức liên lạc này không thể đảm bảo an toàn tuyệt đối là không có lỗi, thông tin có thể bị chặn lại, bị sửa đổi, bị làm cho sai lệch, bị thất lạc, bị phá hủy, đến trễ hoặc không đầy đủ, hoặc có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc không an toàn cho việc sử dụng dù Bên B đã sử dụng các phương pháp thích hợp để bảo toàn thông tin. Do đó, mặc dù Bên B đã sử dụng các phương pháp thích hợp để kiểm tra các loại vi rút thường được biết đến nhiều nhất vào thời điểm trước khi gửi thông tin bằng phương tiện điện tử, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm về những sự cố phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc gửi thông tin bằng phương tiện điện tử cho Bên A.

Điều 8: Chấm dứt Hợp đồng

8.1 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên A

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên B bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên B trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày làm việc nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- Bên B không có chức năng cung cấp Dịch vụ theo quy định pháp luật và bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đình chỉ việc cung cấp Dịch vụ; hoặc
- Bên B không tuân thủ cam kết về bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 4 trên đây; hoặc
- Bên B không tuân thủ các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này và trong thời hạn 1 (một) tháng kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khắc phục của Bên A, Bên B vẫn không khắc phục được việc không tuân thủ đó.

Quyền đòi bồi thường theo quy định này có thể được thực hiện bằng việc khấu trừ vào phí Dịch vụ khi thanh toán giá trị Hợp đồng.

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này, Bên A sẽ phải thanh toán toàn bộ khoản phí, chi phí phát sinh thực tế đối với Bên B (kể cả chi phí phải trả cho nhân viên và các chi phí liên quan) cho đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

8.2 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên B

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên A trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày làm việc nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- Bên A không thanh toán phí Dịch vụ theo đúng thời gian thỏa thuận như quy định trong Hợp đồng này; hoặc
- Bên A không tuân thủ kế hoạch kiểm toán mà Các Bên đã nhất trí hoặc không đáp ứng các yêu cầu của Bên B để hoàn tất Dịch vụ một cách đúng đắn mà không có lý do chính đáng mặc dù Bên B đã có văn bản yêu cầu thực hiện.

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng ngay bằng văn bản thông báo cho Bên A trong trường hợp có những thay đổi của luật hoặc những trường hợp khác vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Bên B có thể dẫn đến việc Bên B không còn đảm bảo tính độc lập trong việc cung cấp Dịch vụ cho Bên A.

Nếu Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này sẽ phải hoàn lại cho Bên A toàn bộ khoản phí Dịch vụ mà Bên B đã nhận của Bên A.

8.3 Hợp đồng cũng có thể chấm dứt hiệu lực trong trường hợp sau:

- Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng (là những sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép bao gồm nhưng không giới hạn những sự kiện như thiên tai, bão, lũ, động đất, bệnh dịch, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) mà một Bên hoặc Các Bên không có khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ gửi văn bản thông báo chấm dứt cho bên kia trước ít nhất 14 (mười bốn) ngày. Không Bên nào chịu trách nhiệm với Bên kia nếu không đáp ứng được các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện bất khả kháng.
- Một Bên bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể; hoặc
- Khi có thỏa thuận của Các Bên.

Điều 9: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

9.1 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam.

9.2 Các Bên cam kết thực hiện Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và vì lợi ích của Các Bên. Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu tranh chấp không giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một hoặc cả hai Bên được quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam theo quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là 03 (ba), địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, ngôn ngữ trọng tài là Tiếng Việt. Mọi chi phí giải quyết tranh chấp của bên thắng kiện, bao gồm cả chi phí luật sư (nếu có) do bên thua kiện chịu.

Điều 10: Điều khoản chung

10.1 Trao đổi thông tin

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, việc trao đổi thông tin giữa các bên có thể thực hiện bằng lời nói, bằng email hoặc bằng văn bản. Báo cáo do Bên B trình cho Bên A theo từng giai đoạn của Dịch vụ sẽ luôn được thể hiện bằng văn bản.

Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, chúng tôi có thể cấp quyền truy cập cho nhân viên của Công ty đến một số hệ thống của chúng tôi. Công ty chấp nhận rằng nhân viên của Công ty có thể truy cập vào hệ thống của chúng tôi bằng bất cứ thiết bị truy cập web nào. Công ty đồng ý chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc:

- a) cung cấp thông tin của những nhân viên mà Công ty thấy cần truy cập vào hệ thống của chúng tôi và đảm bảo họ nhận biết và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều kiện truy cập;
- b) thông báo cho chúng tôi qua email khi nhân viên của Công ty thôi việc hoặc khi quyền truy cập của họ cần chấm dứt, và định kỳ rà soát quyền truy cập của các nhân viên để đảm bảo rằng nó vẫn còn phù hợp; và
- c) đảm bảo nhân viên của Công ty mã hóa thông tin mật khi cần thiết trước khi đưa lên hệ thống của chúng tôi.

10.2 Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký cho đến khi tất cả nghĩa vụ của Các Bên đã hoàn tất. Hợp đồng này sẽ được xem là đã thanh lý sau khi Các Bên đã thực hiện xong các cam kết ghi trong Hợp đồng này, bao gồm việc Bên A thanh toán hết tất cả các hóa đơn phí Dịch vụ cho Bên B.

10.3 Tính tách biệt

Trong trường hợp có bất kỳ một điều khoản nào của Hợp đồng này bị xem là vi phạm pháp luật, quy định của Nhà nước thì điều khoản đó sẽ không có hiệu lực và bị loại bỏ khỏi Hợp đồng đồng thời các điều khoản còn lại của Hợp đồng này sẽ giữ nguyên hiệu lực toàn bộ như thể Hợp đồng không có điều khoản vi phạm đó. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Các Bên sẽ đàm phán trên cơ sở thiện chí nhằm thỏa thuận những điều khoản mới chấp nhận được đối với Các Bên và thay thế các điều khoản bị loại bỏ đó.

10.4 Từ bỏ

Việc một Bên chậm hoặc không thực hiện bất kỳ quyền, biện pháp khắc phục hoặc biện pháp khác theo quy định Hợp đồng này sẽ không cấu thành sự từ bỏ quyền đó, biện pháp khắc phục đó hoặc biện pháp khác của Bên đó. Việc từ bỏ một điều khoản hoặc điều kiện của Hợp đồng này sẽ không có hiệu lực trừ trường hợp được thực hiện bằng văn bản.

10.5 Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung nào đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này phải được lập thành văn bản có xác nhận của Các Bên và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 2 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt. Mỗi bên giữ 1 (một) bản gốc. Hợp đồng này thay thế tất cả những thỏa thuận, trao đổi, ghi nhớ hay các thông tin liên lạc khác trước đây giữa các bên.



Võ Hải Thanh
Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam



Quách Thành Châu
Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG, PHẠM VI, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỊCH VỤ

A. Nội dung và phạm vi Dịch vụ

Bên B thực hiện Dịch vụ theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này và trên cơ sở sau:

- Các thủ tục kiểm toán của Bên B được thiết lập nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các Báo cáo tài chính xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không. Có những hạn chế tiềm tàng trong việc thực hiện một cuộc kiểm toán, ví dụ, việc kiểm toán được dựa trên việc kiểm tra chọn mẫu do đó có thể không phát hiện hết được các sai sót trọng yếu, đặc biệt khi có hành vi che giấu thông qua sự thông đồng, giả mạo chứng từ và các hành vi phạm pháp hay lừa dối khác. Vì vậy, cuộc kiểm toán của Bên B chỉ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý mà không phải là một sự đảm bảo tuyệt đối rằng các Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.
- Bản chất và mức độ kiểm tra của Bên B sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc Bên B đánh giá vấn đề nào là trọng yếu trong bối cảnh xem xét các Báo cáo tài chính của Bên A, tùy thuộc vào đánh giá của Bên B về hệ thống kế toán của Bên A cũng như quyết định của Bên B về việc dựa vào hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.
- Vì trách nhiệm của Bên B là đưa ra ý kiến kiểm toán đối với tổng thể các Báo cáo tài chính chứ không phải đối với một bộ phận hay đơn vị riêng lẻ, nên bản chất và mức độ kiểm tra cũng như yêu cầu của Bên B tại mỗi bộ phận hay đơn vị riêng lẻ sẽ khác nhau phụ thuộc vào đánh giá của Bên B trong các tình huống đó.
- Công việc thực hiện trong quá trình kiểm toán không được thiết kế để nhằm phát hiện các vấn đề mà quản lý cần quan tâm hoặc nhằm xác định tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm toán, nếu Bên B phát hiện có vấn đề quan trọng liên quan đến quản lý hoặc các khiếm khuyết lớn trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A, mà theo Bên B cần được Bên A quan tâm, thì Bên B sẽ báo cáo Bên A. Việc truyền đạt các vấn đề này (nếu có) sẽ được thực hiện bằng văn bản hoặc qua trao đổi bằng lời. Bất kỳ thông tin nào liên quan đến các vấn đề này, bao gồm cả các báo cáo bằng văn bản, đều không được cung cấp cho các bên thứ ba nào khác. Bên B sẽ không có nghĩa vụ hoặc chịu trách nhiệm với bất kỳ bên nào khác liên quan đến các thông tin hoặc các báo cáo như vậy.
- Ý kiến kiểm toán của Bên B chỉ nhằm phục vụ lợi ích của những người mà ý kiến kiểm toán được trình cho họ. Cuộc kiểm toán sẽ không được lập kế hoạch hoặc tiến hành với mục đích để cho bất kỳ bên thứ ba nào dựa vào đó, hoặc chú trọng vào một nghiệp vụ cụ thể nào đó. Do đó, sẽ có các khoản mục có thể dẫn đến sự quan tâm của bên thứ ba, nhưng các khoản mục đó sẽ không thuộc diện được Bên B đặc biệt chú ý, và có thể có các vấn đề có khả năng liên quan đến một nghiệp vụ cụ thể nào đó sẽ được bên thứ ba diễn giải khác đi.

- Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam yêu cầu Bên B phải đọc các báo cáo thường niên và các tài liệu khác có ý kiến kiểm toán của Bên B. Mục đích của việc này là nhằm xem xét liệu các thông tin khác trong báo cáo thường niên, bao gồm cả cách trình bày các thông tin trong đó, có nhất quán một cách trọng yếu với các thông tin trong Báo cáo tài chính hay không. Bên B không có nghĩa vụ phải thực hiện việc xác minh các thông tin khác này như một phần của cuộc kiểm toán của Bên B.
- Bên B sẽ không được xem là đã được thông báo, về phương diện trách nhiệm kiểm toán, các thông tin mà Bên A đã cung cấp cho Bên B, trừ những thông tin mà Bên A đã cung cấp cho những thành viên tham gia vào cuộc kiểm toán (ví dụ, thông tin cung cấp liên quan đến các dịch vụ tư vấn thuế).
- Ngoài ra, Bên B cũng sẽ tiến hành soát xét các Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho các giai đoạn có liên quan phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam áp dụng đối với các hợp đồng soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu Bên B phải lập kế hoạch, thực hiện soát xét nhằm có được sự đảm bảo ở mức độ thấp rằng liệu các Báo cáo Tài chính giữa niên độ có sai sót trọng yếu hay không. Việc soát xét được thực hiện chủ yếu qua việc phỏng vấn và áp dụng các thủ tục phân tích dữ liệu tài chính, do đó mức độ cung cấp đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Bên B không thực hiện kiểm toán các Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tài chính Chuyển đổi giữa niên độ nên Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán. Tuy nhiên, Bên B sẽ báo cáo rằng, dựa trên việc soát xét của Bên B, liệu có vấn đề nào khiến Bên B cho rằng các Báo cáo Tài chính giữa niên độ của Bên A không được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế Toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.
- Vì cuộc kiểm toán năm trước được thực hiện bởi công ty kiểm toán khác nên Bên B có thể cần rà soát hồ sơ kiểm toán của công ty kiểm toán tiền nhiệm. Bên B có thể phải mở rộng phạm vi kiểm toán để xác minh về việc trình bày hợp lý các tài sản và nợ phải trả trọng yếu tại ngày trên bảng cân đối kế toán gần nhất đã được công ty kiểm toán tiền nhiệm phát hành ý kiến kiểm toán, và các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước. Trước khi việc rà soát này được tiến hành, Bên A sẽ chấp thuận cho phép công ty kiểm toán tiền nhiệm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bên B.

B. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện công việc kiểm toán sẽ được trao đổi và thống nhất riêng.

